

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

Hà Nội - Tháng 08 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	8 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PHC.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh với Mã chứng khoán PHC.

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010 và các lần thay đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 257.482.600.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng số cổ phần tương ứng là 25.748.260 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
	Ông Trần Huy Tương	Thành viên
	Ông Đỗ Nguyễn An	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Khanh	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Trần Huy Tương	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21/4/2020)
	Ông Trần Thắng Lợi	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Nguyễn An	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16/4/2020)
	Ông Nguyễn Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/5/2020)
	Ông Hoàng Văn Đào	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/5/2020)

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Lan	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Như Phi	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thanh Tuyền	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện doanh nghiệp, _____



Cao Tùng Lâm

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Số: 703/2020/BCSX-BCTCTH/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘVề Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng
của Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2020, từ trang 04 đến trang 41, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty

Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/6/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2020/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

	MS	TM	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.964.608.959.339	1.880.428.392.549
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26.029.805.054	27.744.868.278
1. Tiền	111		26.029.805.054	27.744.868.278
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		698.058.493	694.666.969
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	698.058.493	694.666.969
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.351.808.924.910	1.274.522.749.250
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.002.751.895.093	1.063.969.588.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	132.553.181.851	120.067.465.095
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	221.906.743.502	95.888.591.421
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(5.402.895.536)	(5.402.895.536)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	570.547.448.180	564.442.370.473
1. Hàng tồn kho	141		570.547.448.180	564.442.370.473
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.524.722.702	13.023.737.579
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	7.638.265.546	10.470.463.731
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.821.988.090	240.251.095
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	4.064.469.066	2.313.022.753
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.279.709.874	351.702.647.021
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.728.775.965	44.765.129.720
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	42.698.042.269	44.643.465.589
- Nguyên giá	222		73.426.191.729	72.706.120.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.728.149.460)	(28.062.655.231)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	30.733.696	121.664.131
- Nguyên giá	228		590.990.000	590.990.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(560.256.304)	(469.325.869)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	11.185.062.421	11.441.004.294
1. Nguyên giá	231		12.797.093.664	12.797.093.664
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.612.031.243)	(1.356.089.370)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.326.880.000	1.326.880.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.326.880.000	1.326.880.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	121.824.622.000	280.694.442.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		41.329.980.000	208.199.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		48.000.000.000	40.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.642.000	24.642.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	32.470.000.000	32.470.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.214.369.488	13.475.191.007
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	10.214.369.488	13.475.191.007
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.151.888.669.213	2.232.131.039.570

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

	MS	TM	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.769.713.471.407	1.849.242.621.534
I. Nợ ngắn hạn	310		1.740.937.140.143	1.808.659.971.740
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	454.659.578.115	476.091.157.572
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	141.437.015.234	152.619.140.871
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	424.528.104	17.587.669.765
4. Phải trả người lao động	314		3.718.732.376	17.234.151.927
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		350.833.898	350.833.898
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	36.756.898.113	39.073.001.347
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.100.671.298.607	1.103.495.890.664
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.808.855.696	1.493.725.696
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.109.400.000	714.400.000
II. Nợ dài hạn	330		28.776.331.264	40.582.649.794
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	28.776.331.264	40.582.649.794
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		382.175.197.806	382.888.418.036
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	382.175.197.806	382.888.418.036
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		257.482.600.000	257.482.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		257.482.600.000	257.482.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.791.048.633	37.791.048.633
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.000.000.000	8.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.901.549.173	79.614.769.403
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		73.114.989.025	9.407.469.635
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		786.560.148	70.207.299.768
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.151.888.669.213	2.232.131.039.570
(440 = 300+400)				

Người lập

Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng

Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Cao Tùng Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	668.289.485.684	1.242.329.643.154
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	668.289.485.684	1.242.329.643.154
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	611.942.484.341	1.140.012.537.445
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		56.347.001.343	102.317.105.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	3.647.338.790	9.473.862.366
7. Chi phí tài chính	22	5.23	41.794.903.047	40.219.611.664
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.748.547.863	39.186.010.067
8. Chi phí bán hàng	25	5.24	-	491.584.606
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	17.721.323.657	33.995.764.761
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		478.113.429	37.084.007.044
{30 = 20+(21-22)-(25+26)}				
11. Thu nhập khác	31	5.25	4.130.986.106	4.357.565.497
12. Chi phí khác	32	5.25	3.571.187.812	985.100.025
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	559.798.294	3.372.465.472
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.037.911.723	40.456.472.516
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	251.351.575	7.995.340.488
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		786.560.148	32.461.132.028

Người lập

Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng

Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch HĐQT

Cao Tùng Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
	2	3	VND	VND
1			4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.037.911.723	40.456.472.516
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.524.440.759	5.690.411.948
- Các khoản dự phòng	03		315.130.000	258.373.387
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		13.988.197.388	(9.578.665.093)
- Chi phí lãi vay	06		20.748.547.863	39.186.010.067
- Các khoản điều chỉnh khác	07		219.622	191.600.412
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.614.447.355	76.204.203.237
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.339.863.713	(176.656.085.150)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.105.077.707)	(54.262.674.846)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(65.559.389.535)	174.789.301.622
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.093.019.704	4.470.681.676
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.748.547.863)	(39.186.010.067)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.159.343.618)	(3.221.758.117)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.400.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.105.000.000)	(1.339.222.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.630.027.951)	(19.191.164.445)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.834.416.364)	(735.200.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	104.802.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.391.524)	(573.968.147)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.330.000.000)	(58.940.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		44.500.000.000	40.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		62.663.207	466.104.287
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41.594.855.319	(19.678.261.133)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		676.214.706.987	1.092.975.821.122
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(690.845.617.574)	(1.086.224.586.985)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.980.005)	(26.125.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.679.890.592)	6.725.109.137
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.715.063.224)	(32.144.316.441)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.744.868.278	93.377.851.829
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		26.029.805.054	61.233.535.388


Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Chủ tịch HĐQT



Cao Tùng Lâm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PHC.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh với Mã chứng khoán PHC.

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010 và các lần thay đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 257.482.600.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng số cổ phần tương ứng là 25.748.260 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 315 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát, thực phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh trang thiết bị nội thất và thủ công mỹ nghệ;
- Vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải và rác thải;
- Thiết kế công trình (thiết kế tổng mặt bằng, kết cấu; đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần bao che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm); công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ lao động (không bao gồm xuất khẩu lao động);
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản
 - Đào tạo ngoại ngữ;
 - Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
 - Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
 - Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
 - Trang trí nội, ngoại thất; và
 - Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình silô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực).
- (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)

Trong kỳ hoạt động chính của Công ty là thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, phát triển dự án.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2020, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings có tất cả 03 chi nhánh gồm:

- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh miền Nam;
 - + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (tạm ngừng hoạt động)
 - + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long
- Công ty có các công ty con, công ty liên kết, cụ thể bao gồm:

Tên công ty con, chi nhánh	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
I. Các Công ty con			
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Kinh doanh nhà ở, đầu tư cơ sở hạ tầng để bán, kinh doanh bất động sản.....	79%	79%
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Kinh doanh cho thuê kinh doanh thiết bị, mặt bằng kho bãi....	100%	100%
Công ty Cổ phần cơ điện Phục Hưng	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, gia công lắp đặt thiết bị điện....	70%	70%
Công ty TNHH Đầu tư PHK	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, gia công lắp đặt thiết bị điện....	100%	100%
II. Các công ty liên doanh, liên kết			
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An phú Hưng	Hoạt động đầu tư các dự án	40%	40%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, Xây dựng cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt cấu kiện thép. Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông; thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; xử lý nước thải; xử lý nền móng công trình....	40%	40%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

12/06/2020
KINH QUẢN TÀI CHÍNH

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Được trích lập cho từng mã chứng khoán, dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kê toán nợ phải thu (Tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kê toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kê toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kê toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1-1 4-2-2-5 1-1 K010345H/K

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Công ty phân biệt 02 (hai) bộ phận: hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động khác; hoạt động xây lắp. Tuy nhiên, trong năm doanh thu và lợi nhuận hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động khác chiếm chưa đến 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong năm. Về bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty hoạt động trong khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam, không có khác biệt về rủi ro, lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	4.699.427.387	136.051.196
Tiền gửi ngân hàng	21.330.377.667	27.608.817.082
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng	26.029.805.054	27.744.868.278

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	698.058.493	698.058.493	694.666.969	694.666.969
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	698.058.493	698.058.493	694.666.969	694.666.969
Dài hạn	32.470.000.000	32.470.000.000	32.470.000.000	32.470.000.000
- Trái phiếu	32.470.000.000	32.470.000.000	32.470.000.000	32.470.000.000
Tổng	33.168.058.493	33.168.058.493	33.164.666.969	33.164.666.969

(*): Theo trái phiếu số BID2_18.06_06135 ngày 19/12/2018, số lượng trái phiếu phát hành có kỳ hạn 10 năm bắt đầu từ ngày 19/12/2018 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với giá trị ban đầu là 14.900.000.000 đồng, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (04) Ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định. Lãi suất + 1 % năm. Đến thời điểm đáo hạn tại ngày 19/12/2028, toàn bộ gốc và lãi sẽ được chuyển sang kỳ hạn mới tương ứng với kỳ hạn cũ theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại thời điểm đáo hạn. Và theo trái phiếu số BID2_18.05.01523 ngày 19/12/2018, số lượng trái phiếu phát hành có kỳ hạn 07 năm bắt đầu từ ngày 19/12/2018 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với giá trị ban đầu là 12.570.000.000 đồng lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (04) Ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định. Lãi suất + 0,8 % năm. Đến thời điểm đáo hạn tại ngày 19/12/2025, toàn bộ gốc và lãi sẽ được chuyển sang kỳ hạn mới tương ứng với kỳ hạn cũ theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại thời điểm đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
CN Công ty Cp Phát triển Đô thị Từ Liêm - Lideco Hạ Long	1.943.433.000	11.643.433.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam -SSG	24.304.274.646	24.056.895.922
Công ty Cổ phần Tasco	2.946.107.200	4.471.107.200
Công ty TNHH liên doanh ô tô Hòa Bình	15.869.708.870	
Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản Phú Mỹ	-	2.295.293.497
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	169.568.268.507	219.568.268.507
Các đối tượng khác	788.120.102.870	801.934.590.144
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan xem tại Thuyết minh số 6.1 Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>		
Tổng	1.002.751.895.093	1.063.969.588.270

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
CN Công ty CPĐT và Xây lắp Hưng Việt - UDIC	245.254.256	305.585.034
Công ty CP Đầu tư Thiết bị Công nghiệp Anh Vũ	1.157.453.445	1.157.453.445
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Việt	19.218.496.000	-
Công ty Cổ phần cơ điện Phục Hưng	3.115.818.373	10.714.229.554
Công ty TNHH liên doanh ô tô Hòa Bình	-	15.180.480.000
Công ty TNHH phát triển thương mại Lâm Anh	8.364.342.167	7.679.679.925
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Du lịch Rạng Đông	3.676.406.023	3.676.406.023
Công ty TNHH xây lắp cơ điện lạnh Trần Gia	-	3.134.020.388
Các đối tượng khác	96.775.411.587	78.219.610.726
<i>Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan xem tại Thuyết minh số 6.1 Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>		
	132.553.181.851	120.067.465.095



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	221.906.743.502	-	95.888.591.421	-
- Công ty CP Cơ Giới và XD Thăng Long	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng số 06 Thăng Long	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng Phục Hưng 3	1.485.000.000	-	1.485.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng Phục Hưng 7	1.520.000.000	-	1.520.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh PHH	1.202.302.960	-	1.201.550.560	-
- Công ty cổ phần Phú Lâm	5.449.856.769	-	5.012.038.400	-
- Công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	96.776.000.000	-	-	-
- Công ty CP NACICO	4.600.000.000	-	2.500.000.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	35.442.000.000	-	5.442.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	22.447.816.009	-	32.230.349.174	-
- Ký cược, ký quỹ	2.000.000	-	27.020.994	-
- Tạm ứng	48.481.767.764	-	41.970.632.293	-
Dài hạn	-	-	-	-
<i>Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan xem tại Thuyết minh số 6.1 Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>				
Tổng	221.906.743.502	-	95.888.591.421	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.6 Nợ xấu

	30/06/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tiềm năng	409.412.885	409.412.885	-	409.412.885	409.412.885	-
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu- Sài Gòn	2.483.981.107	1.458.810.080	1.025.171.027	2.483.981.107	1.458.810.080	1.025.171.027
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	1.330.119.400	1.330.119.400	-	1.330.119.400	1.330.119.400	-
Công ty Xây dựng 201	281.467.000	281.467.000	-	281.467.000	281.467.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234-Điều hòa	539.593.754	537.127.421	2.466.333	539.593.754	537.127.421	2.466.333
Công ty TNHH Hoàng Khôi	257.898.800	257.898.800	-	257.898.800	257.898.800	-
Ban Quản lý Các dự án từ nguồn vốn Ngân sách- Sở khoa học và công nghệ Hà Nội	414.116.000	204.973.779	209.142.221	414.116.000	204.973.779	209.142.221
Các đối tượng khác	923.086.171	923.086.171	-	923.086.171	923.086.171	-
Tổng	6.639.675.117	5.402.895.536	1.236.779.581	6.639.675.117	5.402.895.536	1.236.779.581

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.328.055.722	-	1.451.765.942	-
Công cụ, dụng cụ	861.543.309	-	861.543.309	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	565.467.475.590	-	554.591.765.032	-
Hàng hóa	2.890.373.559	-	7.537.296.190	-
Tổng	570.547.448.180	-	564.442.370.473	-

5.7 Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Chi tiết các công trình sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chung cư cao tầng CT1 Gamuda Gardens	12.453.046.139	12.453.046.139	11.203.598.960	11.203.598.960
Chung cư Đại Kim	2.619.188.571	2.619.188.571	2.853.521.139	2.853.521.139
Dự án chung cư Golden Land 275 Nguyễn Trãi	87.018.965.788	87.018.965.788	128.485.356.971	128.485.356.971
Dự án Florence Mỹ Đình - Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp DVTM và VP	13.391.960.741	13.391.960.741	84.849.521.051	84.849.521.051
Công trình Hải Đăng Tower	550.151.626	550.151.626	278.975.121	278.975.121
Hoàn thiện tòa nhà A1 - Chung cư IA20, Khu đô thị Nam Thăng Long		-	2.765.360.389	2.765.360.389
Nhà máy xử lý nước mặt Sông Đuống	234.896.462	234.896.462	245.372.559	245.372.559
Nhà ở cán bộ chiến sĩ Cục cảnh sát kinh tế - Bộ Công an		-	46.625.277.305	46.625.277.305
Tổ hợp Mỹ Đình Pearl	15.980.602.633	15.980.602.633	21.817.291.757	21.817.291.757
Tòa nhà hỗn hợp dịch TMDV văn phòng và căn hộ cao cấp PANDORA	9.092.469.828	9.092.469.828	28.139.092.072	28.139.092.072
Xây dựng trụ sở UBND quận Đống Đa	19.421.784.894	19.421.784.894	22.766.553.284	22.766.553.284
Dự án EVERGREEN	26.787.537.727	26.787.537.727	45.199.807.794	45.199.807.794
Dự án VICEM		-	-	-
Nhà ở thấp tầng Hoàng Thành	680.576.035	680.576.035	4.705.793.097	4.705.793.097
Các dự án khác	377.236.295.146	377.236.295.146	154.656.243.533	154.656.243.533
Tổng	565.467.475.590	565.467.475.590	554.591.765.032	554.591.765.032

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	7.638.265.546	10.470.463.731
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	7.557.469.499	8.345.507.106
Chi phí bảo hiểm		188.746.078
Chi phí khác	80.796.047	1.936.210.547
Dài hạn	10.214.369.488	13.475.191.007
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	9.771.162.966	11.032.565.926
Chi phí thuê văn phòng	-	2.442.625.081
Chi phí bảo hiểm	443.206.522	-
Tổng	17.852.635.034	23.945.654.738

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	28.461.674.007	28.680.051.542	15.052.118.887	416.276.384	96.000.000	72.706.120.820
Tăng trong kỳ	-	-	1.802.607.273	31.809.091	-	1.834.416.364
Mua trong kỳ	-	-	1.802.607.273	31.809.091	-	1.834.416.364
Giảm trong kỳ	-	-	1.114.345.455	-	-	1.114.345.455
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.114.345.455	-	-	1.114.345.455
Số dư tại 30/6/2020	28.461.674.007	28.680.051.542	15.740.380.705	448.085.475	96.000.000	73.426.191.729
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	3.995.431.054	15.807.486.673	7.807.644.270	356.093.234	96.000.000	28.062.655.231
Tăng trong kỳ	1.191.335.284	1.069.475.104	880.123.608	36.634.455	-	3.177.568.451
Khấu hao trong kỳ	1.191.335.284	1.069.475.104	880.123.608	36.634.455	-	3.177.568.451
Giảm trong kỳ	-	-	512.074.222	-	-	512.074.222
Thanh lý, nhượng bán	-	-	512.074.222	-	-	512.074.222
Số dư tại 30/6/2020	5.186.766.338	16.876.961.777	8.175.693.656	392.727.689	96.000.000	30.728.149.460
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2020	24.466.242.953	12.872.564.869	7.244.474.617	60.183.150	-	44.643.465.589
Tại 30/6/2020	23.274.907.669	11.803.089.765	7.564.687.049	55.357.786	-	42.698.042.269

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.796.528.282

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	590.990.000	590.990.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2020	590.990.000	590.990.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	469.325.869	469.325.869
Tăng trong kỳ	90.930.435	90.930.435
Khấu hao trong kỳ	90.930.435	90.930.435
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2020	560.256.304	560.256.304
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2020	121.664.131	121.664.131
Tại 30/6/2020	30.733.696	30.733.696

5.11 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	12.797.093.664	-	-	12.797.093.664
- Nhà và quyền sử dụng đất	12.797.093.664	-	-	12.797.093.664
Giá trị hao mòn lũy kế	1.356.089.370	255.941.873	-	1.612.031.243
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.356.089.370	255.941.873	-	1.612.031.243
Giá trị còn lại	11.441.004.294	(255.941.873)	-	11.185.062.421
- Nhà và quyền sử dụng đất	11.441.004.294	(255.941.873)	-	11.185.062.421

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí xây dựng phần mềm	1.326.880.000	1.326.880.000
Tổng	1.326.880.000	1.326.880.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2020			01/01/2020		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			41.329.980.000		-	208.199.800.000		-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Phục Hưng 7			-		-	8.000.000.000		-
Công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	79%	79%	17.799.980.000		-	177.999.800.000		-
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	100%	100%	20.000.000.000		-	18.700.000.000		-
Công ty Cổ phần cơ điện Phục Hưng	70%	70%	3.500.000.000		-	3.500.000.000		-
Công ty TNHH Đầu tư PHK	100%	100%	30.000.000		-	-		-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			48.000.000.000		-	40.000.000.000		-
Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh An Phú Hưng	40%	40%	40.000.000.000		-	40.000.000.000		-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Phục Hưng 7	40%		8.000.000.000		-	-		-
Đầu tư vào đơn vị khác			24.642.000		-	24.642.000		-
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam			24.642.000		-	24.642.000		-
Tổng			89.354.622.000	(*)	-	248.224.442.000	(*)	-

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.14 Phải trả người bán

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	454.659.578.115	454.659.578.115	476.091.157.572	476.091.157.572
Công ty Cổ phần Kycons	27.246.938.498	27.246.938.498	30.074.502.601	30.074.502.601
Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật An Nam	5.529.823.667	5.529.823.667	8.891.045.123	8.891.045.123
Công ty CP ĐT và XD Long Hưng	15.384.123.008	15.384.123.008	7.006.406.153	7.006.406.153
Công ty CP đầu tư xây dựng phát triển Việt Tiếp	12.699.457.340	12.699.457.340	8.925.651.717	8.925.651.717
Công ty Cổ phần Fountech	362.024.487	362.024.487	10.460.130.711	10.460.130.711
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nguyễn Thịnh	831.741.000	831.741.000	1.031.741.000	1.031.741.000
Công ty TNHH Việt Đức	2.285.401.625	2.285.401.625	2.385.455.125	2.385.455.125
Công ty TNHH thương mại và xây dựng Thu Ngân	2.052.853.399	2.052.853.399	2.665.407.703	2.665.407.703
Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng và đô thị đường sắt	533.787.708	533.787.708	69.721.178	69.721.178
Công ty TNHH Freyssinet Việt Nam	300.191.855	300.191.855	600.383.709	600.383.709
Công ty CP Xây dựng Lâm Hoàng Anh	7.873.972.609	7.873.972.609	16.432.209.554	16.432.209.554
Công ty TNHH Văn Lang	19.520.375.642	19.520.375.642	18.761.161.743	18.761.161.743
Công ty CP Thương mại Cơ Điện Lạnh Tân Phát	26.265.530.319	26.265.530.319	36.641.392.236	36.641.392.236
Công ty CP Xây dựng Phúc Hưng CONS	46.388.371.494	46.388.371.494	18.981.787.544	18.981.787.544
Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng 3	19.871.053.594	19.871.053.594	20.170.504.707	20.170.504.707
Công ty cổ phần thép và vật tư xây dựng	9.235.465.833	9.235.465.833	-	-
Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội	5.284.189.545	5.284.189.545	1.057.487.200	1.057.487.200
Các khoản phải trả khác	252.994.276.492	252.994.276.492	291.936.169.568	291.936.169.568
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	454.659.578.115	454.659.578.115	476.091.157.572	476.091.157.572

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty cổ phần HBI	30.303.346.233	-
Công ty TNHH Liên doanh Ô tô Hòa Bình	-	3.427.303.000
Công ty cổ phần Nhà Máy Xuân Hà Nội	11.460.727.145	-
Công ty cổ phần tập đoàn Ecopark	-	22.306.685.000
Công ty TNHH Hà Thành	28.444.220.000	28.444.220.000
Công ty cổ phần Phú Lâm	21.381.200.000	21.249.723.387
Các đối tượng khác	49.847.521.856	77.191.209.484
Tổng	141.437.015.234	152.619.140.871

Trong đó: Người mua ứng tiền trước cho các bên liên quan xem tại Thuyết minh số 6.1 Thuyết minh Báo

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2020
Phải nộp	17.587.669.765	6.080.096.985	23.243.238.646	424.528.104
Thuế giá trị gia tăng	17.120.662.236	5.523.288.613	22.612.134.094	31.816.755
Thuế Xuất nhập khẩu	-	81.346.473	81.346.473	-
Thuế thu nhập cá nhân	467.007.529	471.461.899	545.758.079	392.711.349
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	2.313.022.753	251.351.575	2.002.797.888	4.064.469.066
Thuế giá trị gia tăng	2.755.000	-	843.454.270	846.209.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.310.267.753	251.351.575	1.159.343.618	3.218.259.796

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.17 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	36.756.898.113	39.073.001.347
Kinh phí công đoàn	1.855.473.947	1.841.848.356
Bảo hiểm xã hội	566.150.776	162.647.065
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.335.273.390	37.068.505.926
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>579.968.450</i>	<i>628.948.455</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>33.755.304.940</i>	<i>36.439.557.471</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	36.756.898.113	39.073.001.347

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.18 Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.082.221.730.325	1.082.221.730.325	676.214.706.987	669.967.238.629	1.075.974.261.967	1.075.974.261.967
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (1)	1.035.554.948.710	1.035.554.948.710	622.493.561.244	569.487.271.846	982.548.659.312	982.548.659.312
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	30.942.296.685	30.942.296.685	53.721.145.743	99.374.966.783	76.596.117.725	76.596.117.725
Các khoản vay cá nhân	15.724.484.930	15.724.484.930	-	1.105.000.000	16.829.484.930	16.829.484.930
Vay dài hạn đến hạn trả	18.449.568.282	18.449.568.282	11.617.206.530	20.689.266.945	27.521.628.697	27.521.628.697
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	17.483.073.679	17.483.073.679	9.291.894.452	8.462.394.452	16.653.573.679	16.653.573.679
Ngân hàng TNHH Public Việt nam - Chi nhánh Hà Nội	966.494.603	966.494.603	2.325.312.078	12.226.872.493	10.868.055.018	10.868.055.018
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	28.776.331.264	28.776.331.264	-	11.806.318.530	40.582.649.794	40.582.649.794
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (3)	27.162.727.769	27.162.727.769	-	9.291.894.452	36.454.622.221	36.454.622.221
Ngân hàng TNHH Public Việt nam - Chi nhánh Hà Nội (4)	857.155.495	857.155.495	-	2.325.312.078	3.182.467.573	3.182.467.573
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (5)	756.448.000	756.448.000	-	189.112.000	945.560.000	945.560.000
Tổng	1.129.447.629.871	1.129.447.629.871	687.831.913.517	702.462.824.104	1.144.078.540.458	1.144.078.540.458

(1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2018/HĐHM/VPB-PHUCHUNG tại ngày 20/12/2018 với ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương trong đó : Hạn mức cho vay và tương đương cho vay tối đa là 200.000.000.000 VND; hạn mức cấp bảo lãnh được xác định bằng 400.000.000.000 VND - dư nợ cho vay và dư tương đương vay. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng : 12 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng này. Mục đích cấp tín dụng : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây lắp, Phát hành bảo lãnh các loại để phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây lắp. Thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 9 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể trong các Khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan.

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2020/HĐHM/VPB-PHUCHUNG ngày 21/01/2020 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Giá trị hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 200.000.000.000 VND, hạn mức cấp bảo lãnh: 400.000.000.000 VND - dư nợ cho vay và dư tương đương vay. Thời hạn duy trì hạn mức : 12 tháng tính từ ngày kí hợp đồng. Mục đích cấp tín dụng: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh các loại để phục vụ cho hoạt động kinh doanh thi công xây lắp. Thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 9 tháng. Lãi suất : quy định cụ thể trong các Khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa 2 bên. Tài sản đảm bảo: được chi tiết trong Hợp đồng bảo đảm số 4109267/2017/HĐBB/VPB-PHUCHUNGHOLDINGS ký ngày 03/11/2017.

(2) Các khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đô

+ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/36032/HĐTD ký ngày 10/5/2018 với hạn mức số tiền tối đa là 2.437.000.000.000 đồng bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi, trong đó :

- Hạn mức cho vay ngắn hạn : 742.000.000.000 đồng

- Hạn mức bảo lãnh : 1.695.000.000.000 đồng, Trong đó giá trị bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm là 178.000 triệu đồng.

Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể cho từng lần giải ngân. Thời hạn vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, từng L/C và từng Hợp đồng cấp bảo lãnh.

Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng - PL-02/2018/36032/HĐTD sửa đổi , bổ sung hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 2.655.000.000.000 VND gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi, cụ thể :

- Hạn mức cho vay ngắn hạn : 960.000.000.000 VND

- Hạn mức bảo lãnh : 1.695.000.000.000 VND

+ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/36032/HĐTD ký ngày 01/07/2019 với hạn mức số tiền tối đa là 2.655.000.000.000 VND gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi, trong đó:

- Hạn mức cho vay ngắn hạn : 960.000.000.000 VND

- Hạn mức bảo lãnh : 1.695.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể cho từng lần giải ngân. Thời hạn vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, từng L/C và từng Hợp đồng cấp bảo lãnh.

(3) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -CN Đông Đô:

Hợp đồng tín dụng số 02/2015/36032/HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2015 với số tiền vay trên hợp đồng là 2.400.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 125.460 USD. Lãi suất áp dụng theo lãi suất từng thời kỳ của ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3 6032/HĐTD ngày 01 tháng 04 năm 2016 với số tiền vay trên Hợp đồng là 11.200.000.000 đồng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 9,5%/năm. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 712.029,18 USD

Hợp đồng tín dụng số 02/2016/36032/HĐTD ngày 14 tháng 06 năm 2016 với số tiền vay trên Hợp đồng: 1.749.359.920 đồng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 10%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 2.726.275.200 đồng

Hợp đồng tín dụng số 05/2016/36032/HĐTD ngày 01 tháng 09 năm 2016 với số tiền vay trên Hợp đồng: 1.100.000.000 đồng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 10%/năm. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay trị giá 1.605.886.500 đồng;

Hợp đồng tín dụng số 06/2016/36032/HĐTD ngày 20 tháng 09 năm 2016 với số tiền vay trên Hợp đồng: 2.109.042.672 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên

Hợp đồng tín dụng số 07/2016/36032/HĐTD ngày 26 tháng 10 năm 2016 với số tiền vay trên hợp đồng: 740.402.520 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 10%/năm. Mục đích vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên

Hợp đồng tín dụng số 08/2016/36032/HĐTD ngày 14 tháng 09 năm 2016 số tiền vay trên hợp đồng: 1.500.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên.

Hợp đồng tín dụng số 09/2016/3 6032/HĐTD ngày 20 tháng 09 năm 2016 với số tiền vay trên hợp đồng: 5.800.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên

Hợp đồng tín dụng số 10/2016/3 6032/HĐTD ngày 14 tháng 12 năm 2016 với số tiền vay trên hợp đồng: 2.766.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

Hợp đồng tín dụng số 11/2016/3 6032/HĐTD ngày 14 tháng 12 năm 2016 với số tiền vay trên hợp đồng: 2.530.053.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý I và quý III hàng năm, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 10%/năm. Trả nợ gốc theo lịch 3 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên

Hợp đồng tín dụng số 01/2017/36032/HĐTD ngày 13 tháng 02 năm 2017 với số tiền vay trên Hợp đồng: 2.530.052.000 đồng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 11,2%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần. Gốc vay trả 3 tháng 1 lần theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 02/2017/36032/HĐTD ngày 23 tháng 03 năm 2017 với số tiền vay trên hợp đồng: 6.761.961.540 đồng; lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 11,2%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả 3 tháng 1 lần theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay

Hợp đồng tín dụng số 03/2017/36032/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2017 với số tiền vay trên hợp đồng: 1.748.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 11,2%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả 3 tháng 1 lần theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn để đầu tư mua ván khuôn nhôm xuất xứ Hàn Quốc mới 100% để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay

Hợp đồng tín dụng số 04/2017/36032/HĐTD ngày 17 tháng 08 năm 2017 với số tiền vay trên hợp đồng: 5.680.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 11,2%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả 3 tháng 1 lần theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn để đầu tư mua ván khuôn nhôm xuất xứ Hàn Quốc mới 100% để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay

Hợp đồng tín dụng số 05/2017/36032/HĐTD ngày 17 tháng 08 năm 2017 với số tiền vay trên hợp đồng: 1.425.900.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 11,2%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả 3 tháng 1 lần theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn để đầu tư mua ván khuôn nhôm xuất xứ Hàn Quốc mới 100% để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay

Hợp đồng tín dụng số 06/2017/36032/HĐTD ngày 30 tháng 08 năm 2017 với số tiền vay trên hợp đồng: 1.970.554.200 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 11,1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả 3 tháng 1 lần theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn để đầu tư mua hệ giáo Ring Hàn Quốc khung giáo hoàn thiện để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay

Hợp đồng tín dụng số 07/2017/36032/HĐTD ngày 08 tháng 09 năm 2017 với số tiền vay: 1.752.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân 11,1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên của quý 1 và quý 3 hàng năm. Gốc vay trả 3 tháng 1 lần theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn để đầu tư mua hệ giáo Ring Anh Vũ để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay, giá trị tài sản đảm bảo là 2.503.301.856 đồng

Hợp đồng tín dụng số 09/2017/36032/HĐTD ngày 08 tháng 09 năm 2017 với số tiền vay trên hợp đồng: 2.883.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 11,1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả 3 tháng 1 lần theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

hàng tháng. Mục đích vay vốn để đầu tư mua ván khuôn nhôm để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay

Hợp đồng tín dụng số 02/2018/36032/HĐTD ngày 18 tháng 01 năm 2018 với số tiền vay trên hợp đồng: 6.815.742.780 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30 tháng 06 năm 2018: 11,1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả 3 tháng 1 lần theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn để đầu tư mua 2 bộ cầu tháp SUN để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay

Hợp đồng tín dụng số 01/2018/36032/HĐTD ngày 11 tháng 01 năm 2018 với số tiền vay trên hợp đồng: 852.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30 tháng 06 năm 2018: 11,1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả vào ngày 25 của tháng cuối quý, bắt đầu từ quý I/2018 đến hết quý IV/2022 theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn đầu tư mua hệ giáo Ring Anh Vũ để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay

Hợp đồng tín dụng số 07/2018/36032/HĐTD ngày 28 tháng 08 năm 2018 với số tiền vay trên hợp đồng: 2.130.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 11,1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên Quý I và Quý III hàng năm, được áp dụng theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả vào ngày 25 của tháng cuối quý, bắt đầu từ Quý III/2018 đến hết ngày 28/08/2023 theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn đầu tư mua 02 bộ cầu tháp QTZ160(TC6024) để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay

Hợp đồng tín dụng số 03/2019/36032/HĐTD ngày 24/6/2019, với số tiền vay trên hợp đồng : 4.645.088.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30/6/2019: 11.1%/tháng, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả vào ngày 25 của tháng cuối quý, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: thanh toán tiền máy phát điện theo LC số 12510370020623. Thời hạn vay: 60 tháng. Tài sản bảo đảm : Tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 02/2019/36032/HĐTD ngày 5/3/2019 với số tiền vay trên hợp đồng: 11.625.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30/6/2019: 11.1%/tháng, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả trong 20 kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: thanh toán tiền ván khuôn nhôm. Thời hạn vay : 60 tháng. Biện pháp bảo đảm : tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 01/2019/36032/HĐTD ngày 22/02/2019 với số tiền vay trên hợp đồng: 12.877.850.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30/6/2019: 11.1%/tháng, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả trong 20 kỳ vào ngày 25 hàng tháng, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền ván khuôn nhôm, thời hạn vay: 60 tháng. Biện pháp bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 04/2019/36032/HĐTDTH ngày 04/07/2019 với số tiền vay trên hợp đồng: 2.977.920.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 31/12/2019: 11.1%/tháng, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Gốc vay trả trong 20 kỳ vào ngày 25 hàng tháng, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền máy phát điện theo hợp đồng mua bán số 02.03.2019/NTT-BAIFA-PHUCHUNG ngày 20/3/2019 với BAIFA POWER (WUXI) LTD, thời hạn vay : 60 tháng. Biện pháp bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

(4) Khoản vay với Ngân Hàng TNHH Public Bank:

Số HAN/000129/17 Ngày 16/05/2017 với số tiền vay trên hợp đồng là: 709.000.000 đồng, lãi suất được xác định dựa trên các mức lãi suất tiền gửi áp dụng tại thời điểm ngày rút tiền vay, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng một lần vào các ngày 1 tháng Tư và tháng Mười. Lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay để mua chiếc ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST 2.2 TREND. Thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ nguồn vốn vay

Số HAN/000159/17 & HAN/000160/17 Ngày 26/06/2017 với số tiền vay trên hợp đồng là: 730.000.000 đồng, lãi suất được xác định dựa trên các mức lãi suất tiền gửi áp dụng tại thời điểm ngày rút tiền vay, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng một lần vào các ngày 1 tháng Tư và tháng Mười. Lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay để mua 02 xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST 4X2 2.2 AT TREND. Thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ nguồn vốn vay

Số HAN/000015/17 Ngày 08/02/2018 với số tiền vay trên hợp đồng là: 980.000.000 đồng, lãi suất được xác định dựa trên các mức lãi suất tiền gửi áp dụng tại thời điểm ngày rút tiền vay, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng một lần vào các ngày 1 tháng Tư và tháng Mười. Lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay để mua 01 chiếc ô tô nhãn hiệu HUYNDAL. Thời hạn vay 48 tháng. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ nguồn vốn vay

Số HAN/000083/17 Ngày 31/03/2017 với số tiền vay trên hợp đồng là: 1.526.000.000 đồng, lãi suất được xác định dựa trên các mức lãi suất tiền gửi áp dụng tại thời điểm ngày rút tiền vay, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng một lần vào các ngày 1 tháng Tư và tháng Mười. Lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay để mua 01 chiếc ô tô nhãn hiệu FORD EXPLORER LIMITED. Thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ nguồn vốn vay

(5) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ:

Số 8397.17.051.642224.TD với số tiền vay trên hợp đồng là: 1.891.120.000 đồng, lãi suất được xác định dựa trên các mức lãi suất tiền gửi áp dụng tại thời điểm ngày rút tiền vay, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng một lần vào các ngày 1 tháng Tư và tháng Mười. Lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay để đầu tư 02 vận thăng lồng đời của hãng Zoomlion, model SC200/200EB. Thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

5.19 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					Tổng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư tại 01/01/2019	234.077.550.000	37.791.048.633	3.646.387.132	6.172.247.701	50.852.343.268	332.539.576.734
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	23.405.050.000	-	-	-	(23.405.050.000)	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	70.207.299.768	70.207.299.768
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(18.726.204.000)	(18.726.204.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.827.752.299	(1.827.752.299)	-
Tăng/Giảm khác theo NQ ĐHCĐ 2019	-	-	(3.646.387.132)	-	3.646.387.132	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.335.652.611)	(1.335.652.611)
Tăng khác	-	-	-	-	203.398.145	203.398.145
Số dư tại 31/12/2019	257.482.600.000	37.791.048.633	-	8.000.000.000	79.614.769.403	382.888.418.036
Số dư tại 01/01/2020	257.482.600.000	37.791.048.633	-	8.000.000.000	79.614.769.403	382.888.418.036
Lãi trong năm	-	-	-	-	786.560.148	786.560.148
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	219.622	219.622
Số dư tại 30/6/2020	257.482.600.000	37.791.048.633	-	13.000.000.000	73.901.549.173	382.175.197.806

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	257.482.600.000	234.077.550.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	257.482.600.000	234.077.550.000
Cổ tức đã chia	-	-
Phân phối các quỹ	6.500.000.000	3.163.404.910

c. Cổ phiếu

	30/6/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	25.748.260	25.748.260
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.748.260	25.748.260
Cổ phiếu phổ thông	25.748.260	25.748.260
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.748.260	25.748.260
Cổ phiếu phổ thông	25.748.260	25.748.260
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	633.025.173.977	1.192.076.452.379
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp thiết bị	6.798.931.958	42.957.078.337
Doanh thu kinh doanh bất động sản	28.465.379.749	7.296.112.438
Tổng	668.289.485.684	1.242.329.643.154

5.21 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	580.630.920.277	1.099.910.043.296
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp thiết bị	4.410.934.442	36.849.239.158
Giá vốn kinh doanh bất động sản	26.900.629.622	3.253.254.991
Tổng	611.942.484.341	1.140.012.537.445

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.647.338.790	222.770.954
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.786.400.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	628.333.333
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	5.836.358.079
Tổng	3.647.338.790	9.473.862.366

5.23 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi tiền vay	20.748.547.863	39.186.010.067
Chi phí hoạt động tài chính khác	21.046.355.184	1.033.601.597
Tổng	41.794.903.047	40.219.611.664

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí bán hàng	-	491.584.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	396.407.273
Chi phí bằng tiền khác	-	95.177.333
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.721.323.657	33.995.764.761
Chi phí nhân viên quản lý	9.378.708.283	18.430.051.282
Chi phí đồ dùng văn phòng	910.928.150	1.125.330.917
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.867.309.678	4.825.620.224
Thuế phí và lệ phí	18.869.000	126.088.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.171.928.468	2.971.734.848
Chi phí bằng tiền khác	4.373.580.078	6.516.939.290
Tổng	17.721.323.657	34.487.349.367

5.25 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản, CCDC và cho thuê thiết bị	1.074.422.220	104.802.727
Phí sử dụng thương hiệu các công ty con	-	665.617.463
Kinh phí đền bù khu tái định cư phường Phước Hưng	-	1.518.873.600
Phí hoa hồng cho việc môi giới nhà ở	2.898.974.622	1.125.641.123
Thu nhập khác	157.589.264	942.630.584
Tổng	4.130.986.106	4.357.565.497
Chi phí khác		
Chi thanh lý TSCĐ, CCDC và cho thuê thiết bị	710.138.398	-
Chi phí hoa hồng cho việc môi giới nhà ở	2.266.136.732	430.632.537
Chi phí khác	594.912.682	554.467.488
Tổng	3.571.187.812	985.100.025
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	559.798.294	3.372.465.472

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.037.911.723	40.456.472.516
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	218.846.153	148.563.256
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>218.846.153</i>	<i>148.563.256</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	628.333.333
<i>Cổ tức nhận được</i>	<i>-</i>	<i>628.333.333</i>
Thu nhập chịu thuế	1.256.757.876	39.976.702.439
Thuế TNDN phải nộp	251.351.575	7.995.340.488
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	251.351.575	7.995.340.488

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.579.906.562	453.643.046.700
Chi phí nhân công	17.686.944.672	49.937.226.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.524.440.759	5.690.411.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.512.519.313	698.007.260.234
Chi phí khác bằng tiền	3.521.718.106	21.975.855.927
Chi phí dự phòng, bảo hành	315.130.000	-
Tổng	298.140.659.412	1.229.253.801.087

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		Lương và thù lao	781.850.000	818.400.000
Lương của Ban Tổng Giám đốc		Lương	742.144.682	1.065.240.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/TH

6.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết	Phí thương hiệu	-	438.160.601
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	33.495.198.568	55.490.371.166
Công ty Cổ phần cơ điện Phục Hưng	Công ty con	Xây lắp, mua tài sản, chi phí khác	1.621.403.711	-
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	Quyền quản lý tài sản	2.859.769.917	-
Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ				
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết	Xây lắp	1.015.170.807	29.273.459.884
Công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	741.663.427	306.153.920
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 3		Cổ tức	-	385.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết	Cổ tức	-	160.000.000
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	Cho thuê thiết bị	4.932.097.665	-

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản phải thu khách hàng				
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con		1.743.365.557	
Công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty con		-	142.034.893.629
Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết		12.917.220.800	13.420.000.000
Công ty Cổ phần cơ điện Phục Hưng	Công ty con		154.622.303	-
Trả trước cho người bán				
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Công ty con		3.115.818.373	10.714.229.554
Các khoản phải thu khác				
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty con		1.520.000.000	1.520.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết		35.442.000.000	5.442.000.000
Công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội			96.776.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Công ty con		8.436.360	
Các khoản phải trả người bán				
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết		31.756.568.809	30.639.880.921
Công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty con		1.128.703.562	312.873.792
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con		-	1.958.991.377
Người mua ứng tiền trước				
Công ty CP Đầu tư xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết		2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty con		11.460.727.145	-

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp soát xét giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng 2019 đã được soát xét và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Chủ tịch HĐQT



Cao Tùng Lâm